

CHÍNH PHỦ
Số: 66-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 1993

NGHỊ ĐỊNH

Quy định tạm thời chế độ bảo hiểm xã hội đối với lực lượng vũ trang

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

NGHỊ ĐỊNH:

A. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Nghị định này quy định các chế độ bảo hiểm xã hội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân (gọi tắt là quân nhân) và sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân (gọi tắt là công an nhân dân):

- Chế độ trợ cấp ốm đau;
- Chế độ trợ cấp thai sản;
- Chế độ trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp;
- Chế độ hưu trí;
- Chế độ tử tuất.

Điều 2.- Các chế độ bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 1 Nghị định này được áp dụng:

- Đối với quân nhân và công an nhân dân thuộc diện hưởng lương được áp dụng cả 5 chế độ bảo hiểm.
- Đối với quân nhân và công an nhân dân thuộc diện hưởng sinh hoạt phí được hưởng 2 chế độ trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp và chế độ tử tuất.

Điều 3.- Điều kiện để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội là thời gian đóng bảo hiểm xã hội, tuổi đời hoặc mức độ suy giảm khả năng lao động.

Thời gian công tác của quân nhân và công an nhân dân trước ngày ban hành Nghị định này được coi là thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.

Điều 4.- Quyền hưởng bảo hiểm xã hội bị tạm thời đình chỉ hoặc huỷ bỏ:

Trong thời gian bị tù giam;

Khi có hành vi giam đối để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;

Khi đào ngũ;

Khi ra nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài không hợp pháp.

B. CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI

I. Chế độ trợ cấp ốm đau

Điều 5.- Quân nhân và công an nhân dân thuộc diện hưởng lương khi ốm đau, tai nạn rủi ro (không phải tai nạn lao động) được điều trị ở các cơ sở khám, chữa bệnh của y tế được hưởng trợ cấp ốm đau thay tiền lương bằng 100% mức tiền lương (trường hợp đặc biệt có hướng dẫn riêng).

Nếu phải điều trị ở các bệnh viện dân y thì Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Nội vụ thanh toán viện phí theo chế độ thu một phần viện phí.

Điều 6.- Nữ quân nhân và nữ công an nhân dân có con thứ nhất, thứ hai (trường hợp đặc biệt có hướng dẫn riêng) nếu con bị ốm đau có xác nhận của y tế phải nghỉ việc thì được hưởng chế độ trợ cấp thay tiền lương như sau:

1. Thời gian được hưởng trợ cấp hàng năm khi con ốm đau:

15 ngày đối với con dưới 36 tháng tuổi;

12 ngày đối với con từ 36 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi.

2. Mức trợ cấp thay tiền lương bằng 85% mức tiền lương.

Trường hợp đặc biệt mà người bố phải nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau thì được hưởng trợ cấp như đối với người mẹ.

II. Chế độ trợ cấp thai sản

Điều 7.- Nữ quân nhân và nữ công an nhân dân có thai, sinh con thứ nhất, thứ hai (trường hợp đặc biệt có hướng dẫn riêng) được hưởng chế độ trợ cấp thai sản thay tiền lương như sau:

1. Thời gian hưởng trợ cấp thai sản:

- a) Được nghỉ việc đi khám thai 3 lần, mỗi lần 1 ngày (trường hợp đặc biệt được nghỉ 2 ngày).
- b) Sảy thai được nghỉ 20 ngày nếu thai dưới 3 tháng, 30 ngày nếu thai từ 3 tháng trở lên.
- c) Trước và sau khi sinh được nghỉ 150 ngày.

Nếu một lần sinh nhiều con thì tính từ con thứ hai trở đi, mỗi con người mẹ được nghỉ thêm 30 ngày.

- d) Trường hợp nuôi con sơ sinh hợp pháp, được nghỉ việc đến khi con đủ 120 ngày tuổi và hưởng trợ cấp thay tiền lương.

2. Mức trợ cấp thai sản bằng 100% mức tiền lương.

Ngoài ra, khi sinh con còn được trợ cấp thêm một tháng tiền lương.

3. Quân nhân và công an nhân dân thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình, được hưởng chế độ theo quy định chung của Nhà nước.

III. Chế độ trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp

Điều 8.- Quân nhân và công an nhân dân bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp bằng 100% tiền lương trong thời gian điều trị. Trợ cấp và chi phí khám chữa bệnh do Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Nội vụ trả.

Điều 9.- Sau thời gian điều trị mà thương tật hoặc bệnh tật ổn định, quân nhân và công an nhân dân được hưởng chế độ trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp như sau:

1. Tùy theo mức độ thương tật hoặc bệnh tật được trợ cấp một lần hoặc trợ cấp hàng tháng, mức trợ cấp này được tính trên cơ sở mức tiền lương trung bình của viên chức Nhà nước.

a) Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 60% thì được trợ cấp một lần theo các mức sau:

Mức suy giảm khả năng lao động Mức trợ cấp một lần

Từ 5% đến 20% 2 tháng tiền lương

Từ 21% đến 30% 4 tháng tiền lương

Từ 31% đến 40% 6 tháng tiền lương

Từ 41% đến 50% 9 tháng tiền lương

Từ 51% đến 60% 12 tháng tiền lương.

b) Bị suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 100% thì được xếp vào hạng và được trợ cấp hàng tháng như sau:

Mức suy giảm khả năng lao động Xếp hạng Mức trợ cấp hàng tháng